

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/5/2021
V/v “Tranh chấp về ly hôn và nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Hải;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ph, sinh năm 1986. Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1979. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P C 1, xã Q M, huyện Q S, Tỉnh Q N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Ph T bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q C cũ (nay là xã Q M), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên rượu chè, ghen tuông, đánh đập chị khiến cuộc sống không hạnh phúc. Chị không thể tiếp tục chịu

đựng việc đánh đập của anh nên đã sống ly thân từ cuối tháng 12/2020 đến nay. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 cháu tên Phan Quốc H, sinh ngày 27/6/2005, Phan Quốc C, sinh ngày 24/8/2009 và Phan Thị Trường V, sinh ngày 14/5/2013. Chị có nguyện vọng nuôi cháu V, giao cháu H và cháu C cho anh T nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong quá T giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị Ph.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá T giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ph về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ph và anh Phan Văn T. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Trường V cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng; giao các cháu Phan Quốc H và cháu Phan Quốc C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh T cư trú tại Thôn P C 1, xã Q M, huyện Q S, Tỉnh Q N; chị Ph yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q C (nay là xã Q M), huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 năm 2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống không hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị Ph T bày là do anh T thường xuyên rượu chè, ghen tuông và đánh đập chị. Trong quá T giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Chị Ph và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị Ph và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph.

[3]. Về con chung: Chị Ph yêu cầu được nuôi cháu Phan Thị Trường V, giao cháu Phan Quốc H và cháu Phan Quốc C cho anh T nuôi dưỡng. Xét thấy việc yêu cầu nuôi con của chị Ph là tự nguyện, hơn nữa cháu V còn nhỏ, là con gái nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ; đối với cháu H và cháu C hiện nay đang sống với anh T và tại bản tự khai, các cháu đều có nguyện vọng ở với ba. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử: Giao cháu V cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu H, cháu C cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Ph không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ph phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ph về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ph và anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Trường V, sinh ngày 14/5/2013 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng; giao các cháu Phan Quốc H, sinh ngày 27/6/2005 và Phan Quốc C, sinh ngày 24/8/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T, chị Ph có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền

yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ph phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001735 ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2021), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Q M, huyện Quế Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ